TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/DS-ST
Ngày: 29 – 4 – 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Luân

2. Ông Lê Thành Tam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long: Ông Lê Hiển Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXX - ST ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1962.

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Minh P**, sinh năm 1960 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H có ông Hồ Minh P trình bày:

Vào ngày 21/12/2024, vợ chồng ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 300.000.000đồng, mức lãi suất hai bên tự thỏa

thuận là 2.000đồng/ngày, thời hạn vay 07 ngày, kể từ ngày 21/12/2024 đến 28/12/2024, mục đích vay để xoay sở trong gia đình. Do là chỗ quen biết và thời gian vay ngắn nên ông K, bà H không yêu cầu ông T viết biên nhận. Ông T là người trực tiếp nhận đủ số tiền 300.000.000đồng.

Sau khi vay, ông T không đóng lãi cho ông K, bà H như đã thỏa thuận và ông T hẹn hết lần này tới lần khác đến nay vẫn không trả tiền cho ông T, bà H.

Nay ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền gốc là 300.000.000đồng và yêu cầu tiền lãi tính kể từ ngày 21/12/2024 đến ngày 21/3/2026 là 15 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 74.700.000đồng. Tổng cộng 374.700.000đồng. Ngoài ra yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T có quen biết vợ chồng ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H nên vào ngày 29/6/2023 ông có nhờ ông Võ Văn K đứng ra vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện M giúp số tiền 90.000.000đồng, sử dụng cho việc chăn nuôi và nước sạch.

Có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và đóng lãi hàng tháng, khi đóng lãi đều có biên lai thu lãi. Ông T không có làm biên nhận mượn tiền của ông K, bà H mà chỉ nhận được sổ vay vốn do ông Võ Văn K cấp và có chữ ký của ông K.

Nay vợ chồng ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vốn 300.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2024 đến ngày 21/3/2026 là 15 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng thành tiền là 74.700.000đồng. Tổng cộng 374.700.000đồng. Ngoài ra, ông K, bà H yêu cầu tính lãi từ 03/10/2025 đến khi Tòa án xét xử là ông T không đồng ý.

- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long thực hiện việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng như quyết định xét xử đã ban hành.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 237, 239, 249, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 300.000.000đồng và tiền lãi tiền lãi 17.167.000 đồng. Tổng cộng 317.167.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 300.000.000đồng và tiền lãi 74.700.000đồng. Tổng cộng 374.700.000đồng nên Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng quy định tại tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú có địa chỉ tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay: Ông K, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả tiền gốc 300.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 21/12/2024 đến 21/3/2026 là 15 tháng với lãi suất 1,66%/tháng là 74.700.000đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

+ Đối với số tiền gốc là 300.000.000đồng: Tại đoạn ghi âm ngày 25/7/2025 có nội dung thể hiện việc ông T có mượn tiền của ông K, bà H. Mặt khác, ông T thừa nhận đoạn ghi âm là giọng nói của ông, ông T cũng không có phản bác hay phủ nhận việc mượn tiền trong cuộc nói chuyện điện thoại, ông T đồng ý trả tiền cho bà H nhưng không có tiền trả, nên để ông T đi mượn tiền người khác trả nhưng hiện tại vẫn chưa trả 300.000.000đồng cho bà H. Từ phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, bà H. Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H số tiền vay 300.000.000đồng.

+ Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền gốc 300.000.000đồng, tính từ ngày 21/12/2024 đến 21/3/2026 là 15 tháng với lãi suất 1,66%/tháng là 74.700.000đồng là có cơ sở chấp nhận một phần. Bởi lẽ:

Mức lãi suất mà ông K1, bà H yêu cầu 20% năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 là chưa phù hợp. Theo lời khai cũng như đoạn ghi âm ngày 25/7/2025 không xác định rõ lãi suất và không xác định được cụ thể thời gian vay tiền nên số tiền lãi được tính từ ngày khởi kiện là ngày 02/10/2025 với mức lãi suất 10%/năm và tiền lãi tính từ ngày 02/10/2025 đến ngày 28/4/2026 là 06 tháng 26 ngày được tính cụ thể như sau: [(300.000.000đồng x 06 tháng 26 ngày) x10%/năm] = 17.167.000đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 317.167.000đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi là 317.167.000đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp pháp luật, có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự 15.858.350đồng.

+ Ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với số tiền lải không được chấp nhận là: 74.700.000đồng - 17.167.000đồng = 57.533.000đồng x 5% = 2.876.650đồng.

Do ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông K, bà H và ông T được miễn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 300.000.000đồng và tiền lãi tiền lãi 17.167.000 đồng. Tổng cộng 317.167.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn K, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hồng Chi